

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN HÓA HỌC 9

A. LÝ THUYẾT

I. CÁC HỢP CHẤT VÔ CƠ

1. Oxit

- Phân loại oxit: 4 loại OA, OB, OL, OT
- Tính chất hóa học của OA, OB,: viết các PTHH minh họa
- Một số Oxit điển hình: CaO, SO₂: TCVL, TCHH, ứng dụng, điều chế.

2. Axit

- Tính chất hóa học chung của axit: viết PTHH minh họa với axit H₂SO₄, HCl
- Tính chất riêng của H₂SO₄ đặc. Nhận biết axit H₂SO₄ và muối sunfat.

3. Bazo

- TCHH của BZ tan, BZ không tan: viết các PTHH minh họa cho TCHH của BZ tan và không tan.
- Các BZ có nhiều ứng dụng Ca(OH)₂, NaOH: Viết PTHH , ứng dụng, sản xuất.

4. Muối

- Thành phần của muối
- Bảng tính tan của các muối
- Tính chất hóa học của muối.
- Phản ứng trao đổi, điều kiện của phản ứng trao đổi.

II. KIM LOẠI:

- Tính chất vật lý, tính chất hóa học chung của kim loại.
- Dãy HĐHH của KL, ý nghĩa của dãy HĐHH của KL
- Các kim loại Al, Fe: TCVL, TCHH, ứng dụng, PTHH sx Al.
**lưu ý: TCHH riêng của Al, Fe là kim loại có nhiều hóa trị.*

III. PHI KIM

- Tính chất chung của phi kim (TCVL, TCHH).
- Các phi kim điển hình: Cl₂, Cacbon và các oxit của cacbon, Si.(TCVL, TCHH, ứng dụng, điều chế Cl₂)
- Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

IV. HỢP CHẤT HỮU CƠ: HIDRO-CABON

- Phân biệt được các HCHH với các HCVC
- Metan, etylen: CTPT, CTCT, đặc điểm liên kết, TCHH (tchh đặc trưng), ứng dụng.

B. DẠNG BÀI TẬP

1. Nhận biết
2. Dãy chuyển hóa
3. Bài tập tính theo PTHH: Tính n, m, V(đktc), C%. CM, hỗn hợp đặt ỏn, không đặt ỏn.

4. Tím CTHH